

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 889/2025/DS-ST
Ngày: 05/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Huỳnh

2. Bà Đinh Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên toà: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 2119/2024/DSST ngày 24/10/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3067/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4020/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (có mặt)

HKTT: Địa chỉ: Số 319/29, đường Lê Văn Thọ, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 319/31, đường Lê Văn Thọ, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Mai T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H cùng các lời khai tiếp theo của bà H thì nội dung vụ án như sau:

Vào năm 2009, bà Trần Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị Mai T1 vay số tiền 649.000.000đồng như sau:

Ngày 30/6/2009, bà T1 vay 149.000.000đồng; Ngày 30/6/2009, bà T1 vay 160.000.000đồng; Ngày 15/7/2009, bà T1 vay 150.000.000đồng; Ngày 01/7/2009, bà T1 vay số tiền 30.000.000đồng; Ngày 15/7/2009, bà T1 vay 10.000.000đồng; Ngày 18/7/2009, bà T1 vay số tiền 150.000.000đồng.

Nay bà H yêu cầu bà T1 trả cho bà số tiền đã vay là 649.000.000đồng.

Bị đơn Bà Nguyễn Huỳnh Mai T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng bà T không đến tòa và cũng không có ý kiến, yêu cầu bằng văn bản gửi đến Tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai T1 trả cho bà số tiền 649.000.000đồng nợ gốc. Bà không yêu cầu tính lãi. Tuy trong hợp đồng mượn tiền có ghi lãi do các bên thỏa thuận, thực tế hai bên thỏa thuận lãi theo lãi suất của ngân hàng. Trong hợp đồng mượn tiền ngày 18/7/2009, ngày 15/7/2009 và 30/6/2009 bà T1 có ghi số tiền lãi, nhưng bà T1 chỉ ghi để bà tin và cho bà T1 vay thêm tiền, bà T1 chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Mai T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Mai T đã chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H yêu cầu bà Nguyễn Huỳnh Mai T thanh toán số tiền còn nợ là 649.000.000đồng.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Huỳnh Mai T có địa chỉ tại thành phố T nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của Bà Trần Thị Mỹ H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Mai T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H yêu cầu bà Nguyễn Huỳnh Mai T thanh toán số tiền nợ gốc 649.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét:

Ngày 30/6/2009, bà Nguyễn Huỳnh Mai T và bà Trần Thị Mỹ H ký hợp đồng mượn tiền với nội dung, bà H cho bà T mượn số tiền 160.000.000đồng. Thời hạn 30 ngày kể từ ngày 30/6/2009 đến ngày 30/7/2009 với lãi suất thỏa thuận. Thực hiện hợp đồng thì bà H đã giao cho bà T số tiền 160.000.000đồng, bà T đã

ký và ghi nội dung đã nhận đủ số tiền 160.000.000đồng nên xác định bà T có vay của bà H số tiền 160.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2009.

Cùng ngày 30/6/2009, bà H và bà T ký hợp đồng mượn tiền với nội dung bà H cho bà T mượn số tiền 149.000.000đồng. Thời hạn mượn là 90 ngày với lãi suất thỏa thuận. Tại phần cuối của hợp đồng thì bà T ghi đã nhận đủ số tiền 149.000.000đồng và ký tên. Như vậy, xác định bà T có vay của bà H số tiền 149.000.000đồng.

Ngày 01/7/2009, bà H và bà T ký giấy mượn tiền với nội dung bà H cho bà T mượn số tiền 30.000.000đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 01/7/2009 đến ngày 01/8/2009 với lãi suất thỏa thuận. Tại phần cuối của hợp đồng thì bà T ghi đã nhận đủ số tiền 30.000.000đồng và ký tên. Như vậy, xác định bà T có vay của bà H số tiền 30.000.000đồng.

Ngày 15/7/2009, bà H và bà T ký giấy mượn tiền với nội dung bà H cho bà T mượn số tiền 150.000.000đồng trong thời hạn 90 ngày với lãi suất thỏa thuận. Tại phần cuối của hợp đồng thì bà T ghi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đồng và ký tên. Như vậy, xác định bà T có vay của bà H số tiền 150.000.000đồng.

Cùng ngày 15/7/2009, bà H và bà T ký giấy mượn tiền với nội dung bà H cho bà T mượn số tiền 10.000.000đồng trong thời hạn từ ngày 15/7/2009 đến 15/10/2009 với lãi suất thỏa thuận. Tại phần cuối của hợp đồng thì bà T ghi đã nhận đủ số tiền 10.000.000đồng và ký tên. Như vậy, xác định bà T có vay của bà H số tiền 10.000.000đồng.

Ngày 18/7/2009, bà H và bà T ký giấy mượn tiền với nội dung bà H cho bà T mượn số tiền 150.000.000đồng trong thời hạn 30 ngày với lãi suất thỏa thuận. Tại phần cuối của hợp đồng thì bà T ghi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đồng và ký tên. Như vậy, xác định bà T có vay của bà H số tiền 150.000.000đồng.

Theo trình bày của bà H trình thì bà T chưa thanh toán cho bà bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến tòa và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi đến tòa nên xác định bà T còn nợ bà H số tiền 160.000.000đồng +

149.000.000đồng + 30.000.000đồng + 150.000.000đồng + 10.000.000đồng + 150.000.000đồng = 649.000.000đồng.

Tuy các hợp đồng đều ghi với tiêu đề là hợp đồng mượn tiền nhưng nội dung các bên có thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả nợ nên xác định là các hợp đồng vay có kỳ hạn.

Như vậy, xác định bà Nguyễn Huỳnh Mai T có vay của bà Trần Thị Mỹ H số tiền 649.000.000đồng.

Theo nội dung hợp đồng thì tiền lãi do các bên thỏa thuận. Tại phiên tòa bà H trình bày, tại hợp đồng các bên ghi lãi thỏa thuận. Lãi suất các bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng, do lâu quá bà không nhớ chính xác mức bao nhiêu. Sau khi nhận tiền, bà T không trả cho bà bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu bà T trả bà tiền nợ gốc là 649.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Từ những phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H yêu cầu bà Nguyễn Huỳnh Mai T thanh toán số tiền nợ gốc là 649.000.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Huỳnh Mai T phải chịu trên số tiền phải trả cho bà Trần Thị Mỹ H.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật Phí, lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H:

Bà Nguyễn Huỳnh Mai T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 649.000.000 đồng theo các hợp đồng mượn tiền ngày 30/6/2009, 30/6/2009, 01/7/2009, 15/7/2009, 15/7/2009, 18/7/2009 giữa bà Trần Thị Mỹ H và bà Nguyễn Huỳnh Mai T.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Huỳnh Mai T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Huỳnh Mai T phải nộp số tiền 29.960.000 đồng.

H1 lại cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí 14.980.000 đồng theo Biên lai thu số 0044635 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh